

Phụ lục 01
trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Tuyên truyền	Bài/chuyên đề	2	2	2	2	2
2	Tập huấn hướng dẫn thiết lập và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói nông sản	1 lớp/xã	3	8	9	9	9

Phụ lục 02
KẾ HOẠCH CẤP MÃ SỐ VÙNG TRỒNG GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
I	TOÀN TỈNH							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	10.921					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	10.000	2.200	2.290	2.080	1.730	1.700
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	200	41	45	38	37	39
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	4.270					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	1.500	70	390	640	330	70
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	59	5	21	19	10	4
c	Cây rau, củ, quả: - hiện trạng	Ha	2.881					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	470	23	100	148	144	55
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	107	6	28	34	29	10
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	7.500					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	2.500	120	380	910	830	260
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	105	5	23	39	30	8
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha	1.572					
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	680	85	230	185	140	40
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	47	4	14	13	13	3
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	12.547	-	-	-	-	-
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	4.585	800	1.085	900	900	900
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	108	17	31	20	20	20
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	7.421					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	1.000	480	140	120	120	140
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	54	10	12	10	10	12
II	CHI TIẾT CÁC XÃ PHƯỜNG							
1	Phường Tân Phong							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	690					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	690	140	170	180	100	100
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	170					

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha						
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	199					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	16	1	3	4	5	2
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	340					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	90		10	30	50	
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	3		1	1	1	
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha						
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	24					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha						
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	254					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	50	10	10	10	10	10
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
2	Phường Đoàn Kết							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	791					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	782	158	158	160	156	150
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	15	3	3	3	3	3
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	162					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	190					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	46	3	4	10	14	14
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	4		1	1	1	1
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	105					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	10	10	-	-	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	1	1				
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	1					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	331					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	50	10	10	10	10	10
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
3	Xã Mường Kim							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	1.164,67					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	1.164,67	164,67	250	250	250	250
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	19	3	4	4	4	4
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	692					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	150	10	50	60	30	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	8	1	2	3	2	
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	328					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0	-	-	-	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	0	-	-	-	-	-
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	154					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	50	-	10	20	20	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5		1	2	2	
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	938					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	500	100	100	100	100	100
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	1.126					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
4	Xã Than Uyên							

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	108					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	70	10	10	10	20	20
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	680					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	300	30	50	150	40	30
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	9	1	2	2	2	2
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	436					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	60	8	17	18	9	8
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	11	1	3	3	2	2
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	103					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	134					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	189					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
5	Xã Mường Than							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	388					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	386	77	77	77	77	78
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	410					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	100	10	50	40	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	2	2		
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	96					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	10	2	4	4	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	2	2		

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	37					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	30	10	10	10	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	3	1	1	1		
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	338					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	200	40	40	40	40	40
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	10	2	2	2	2	2
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	185					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
6	Xã Khoen On							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	350					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	120	40	20	20	20	20
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	68					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	20	20	-	-	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	2	2				
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	53					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	2	-	1	1	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	2		1	1		
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	95					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0	-	-	-	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	219					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0	-	-	-	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	49					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Diện tích được cấp mã số vùng trồng	Mã						
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	0	-	-	-	-	-
7	Xã Pắc Ta							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	807					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	800	160	175	163	162	140
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	20	4	4	4	4	4
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	450					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	250	-	50	80	100	20
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	10		3	3	3	1
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	145					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	30	4	7	7	6	6
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	7	1	2	2	1	1
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	197					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	70	-	20	30	20	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	4		1	2	1	
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	50	-	10	20	20	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5		1	2	2	
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	265					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	134					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	50	10	10	10	10	10
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
8	Xã Nậm Sỏ							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	216					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	200	-	100	100	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	4		2	2		
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	9					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	1	-	1	-	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	1		1			
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	310					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	100	-	20	50	30	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	7		1	4	2	
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	1.700					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	700	140	140	140	140	140
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	25	5	5	5	5	5
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	385					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
9	Xã Mường Khoa							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	1.282					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	1.282	282	250	250	250	250
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	19	3	4	4	4	4
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	43					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	50	-	20	30	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	2		1	1		
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	37					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0	-	-	-	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	142					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	50	-	10	30	10	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5		1	3	1	
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0	-	-	-	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	1.051					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	100	20	20	20	20	20
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
10	Xã Tân Uyên							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	1.500					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	1.490	290	300	300	300	300
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	15	3	3	3	3	3
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	25					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	30	-	10	20	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	2		1	1		
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	83					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	20		6	6	4	4
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5		2	1	1	1
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	472					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	300	100	50	50	50	50
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	13	3	3	2	2	3
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	50		20	10	10	10
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5		2	1	1	1
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	1.530					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	500		200	100	100	100
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	15		6	3	3	3
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	1.126					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	100		40	20	20	20
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	10		4	2	2	2
11	Xã Bản Bo							

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	1.125					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	1.110	500	400	200		10
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	26	11	10	4		1
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	80					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	20	-	10	10	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	2		1	1		
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	59					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	25	-	5	10	10	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5		1	2	2	
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	83					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	36					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	468					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	100	20	20	20	20	20
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
12	Xã Bình Lư							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	258					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	255	58	50	50	47	50
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	6	1	2	1	1	1
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	340					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	160	-	20	50	70	20
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	4		1	1	1	1
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	175					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	55	2	11	17	21	4
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5		1	1	2	1

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	290					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	80	-	20	40	20	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	4		1	1	2	
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	35					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	81					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	50	10	10	10	10	10
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
13	Xã Tả Lèng							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	109					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0	-	-	-	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	140					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	77					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	25	-	5	10	10	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5		1	2	2	
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	303					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	100	-	20	50	30	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	3		1	1	1	
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	40	-	10	10	20	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	4		1	1	2	
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	13					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	33					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	50	10	10	10	10	10
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5		1	1	1	2
14	Xã Khun Há							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	514					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	353	50	50	50	98	105
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	34	5	5	5	9	10
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	31					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	30	-	7	12	11	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	30		7	12	11	
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	303					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	100	10	20	50	20	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	10	1	2	5	2	
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	45	-	10	15	20	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	9		2	3	4	
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	82					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0	-	-	-	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	195					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	50	10	10	10	10	10
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
15	Xã Sin Suối Hồ							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	669					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	600	140	140	140	100	80
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	60					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	20	-	10	10	-	-

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	2		1	1		
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	77					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	38	-	6	12	20	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	4		1	1	2	
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	789					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	500	-	50	150	200	100
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	7		1	2	2	2
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	10	-	-	5	5	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	93					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	360					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
16	Xã Phong Thổ							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	8					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0	-	-	-	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	50	-	20	30	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	2		1	1		
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	162					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	46	-	7	13	16	10
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	4		1	1	1	1
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	765					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	500	-	50	150	200	100
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	7		1	2	2	2
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	189					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	29					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
17	Xã Sì Lờ Lầu							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	7					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	51					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	150					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	20			10	10	
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	2			1	1	
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	100	20	20	20	20	20
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	4		1	1	1	1
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	32					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
18	Xã Đào San							

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	48					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	281					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	50	-	10	20	20	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	3		1	1	1	
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	25	5	10	5	5	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	4	1	1	1	1	
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	11					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	2					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
19	Xã Khổng Lào							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	148					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	58				20	38
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	3				1	2
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	150					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	200	-	30	100	70	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	3		1	1	1	
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	55					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	27	-	6	11	10	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	3		1	1	1	

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	474					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	100	-	20	50	30	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	8		2	3	3	
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	230					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	215					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
20	Xã Tủa Sín Chải							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	113					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	21					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	196					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha	31					
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	110	30	30	40	10	
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	4	1	1	1	1	
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	251					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
21	Xã Nậm Tăm							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	1					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	89					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	190					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	100		20	50	30	
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	3		1	1	1	
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	541					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	300	60	60	60	60	60
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
22	Xã Hồng Thu							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	579					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	579	110	120	120	120	109
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	10	2	2	2	2	2
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	19					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	2		1	1		
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã				1		
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	327					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	150		20	70	50	10
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	11		2	4	4	1
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	211					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	67					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
23	Xã Nậm Mạ							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	9					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	80					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	155					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
24	Xã Sìn Hồ							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha	94					
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	60	20	20	10	10	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	4	1	1	1	1	
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	64					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	22	2	4	6	5	5
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	115					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	30	-	-	10	20	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	2			1	1	
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha	313					
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	140	20	30	50	30	10
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	6	1	1	2	1	1
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	213					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	17					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
25	Xã Pu Sam Cáp							

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	400					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	100	-	30	50	20	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	3		1	1	1	
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	16					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	92					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	474					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	300	60	60	60	60	60
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
26	Xã Nậm Cuối							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	11					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	148					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	20	-	10	10	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	2		1	1		
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	528					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	300	60	60	60	60	60
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	568					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	400	380				20
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	4	3				1
27	Xã Nậm Hàng							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	120					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	20	-	10	10	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	2		1	1		
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	74					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	15	1	4	5	3	2
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	108					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	535					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	200	40	40	40	40	40
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	6					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
28	Mường mô							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	49					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	116					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	30	-	10	20	-	-
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	2		1	1		
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	353					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	36					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
29	Xã Hua Bum							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	80					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	10	-	10	-	-	-

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	1		1			
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	14					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	95					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	351					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	200	40	40	40	40	40
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
30	Xã Pa Tần							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	13					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	64					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	183					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	47					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
31	Xã Mường Mô							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	13					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	151					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	50		10	20	20	
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	3		1	1	1	
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	770					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	300	60	60	60	60	60
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	37					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
32	Xã Thu Lũm							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha						

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	18					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	69					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha	642					
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	129					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	117					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
33	Xã Mù Că							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	22					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	12					

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	59					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	100	20	20	20	20	20
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	37					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
34	Xã Pa Ủ							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	50					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	117					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha	107					
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	135					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	97					

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
35	Xã Tà Tổng							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	18					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	34					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	117					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	64					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
36	Xã Mường Tè							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	100					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	10		10			
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	1		1			

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	20					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	95					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha	8					
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	468					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	300	60	60	60	60	60
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
37	Xã Bum Tở							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	24					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	60					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha	62					
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						

STT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	1.018					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	600	120	120	120	120	120
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	5	1	1	1	1	1
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha	116					
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
38	Xã Bum Nua							
a	Cây chè: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
b	Cây lúa hàng hóa tập trung: - hiện trạng	Ha	100					
-	Diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng	Ha	10		10			
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	1		1			
c	Cây rau, củ quả: - hiện trạng	Ha	27					
-	Diện tích rau, củ, quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
d	Cây ăn quả: - hiện trạng	Ha	36					
-	Diện tích cây ăn quả được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						
e	Cây dược liệu khác: - hiện trạng	Ha	410					
-	Diện tích Cây dược liệu khác tập trung cấp mã số	Ha	80		80			
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	3		3			
f	Cây quế - hiện trạng	Ha	186					
-	Diện tích quế được cấp mã số vùng trồng	Ha	85		85			
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã	8		8			
g	Cây mắc ca: - hiện trạng	Ha						
-	Diện tích mắc ca được cấp mã số vùng trồng	Ha	0					
-	Số mã số dự kiến cấp	Mã						